

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 186/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 37.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,58
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,89
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,59
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCĐP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0238
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 186/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 37.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,021
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	0,74
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	59,4
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	115
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	19,1
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,94
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	28,4
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	173
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu vực 3, Phường V, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam Tel: 02933 582 099

QT-PHN-7.3/BM-03

Trang 2 / 3

Lần BH: 02.01 (30/04/2025)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 186/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 37.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichloromethane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	1,84
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	20,1
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 187/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 38.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,73
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,10
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,42
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCĐP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH PTN



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 188/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 39.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cây Dương
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,58
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,85
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,26
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 189/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 40.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,57
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,28
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,52
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,12
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

(¹): theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

(i): giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3

Hậu Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2025



PHU TRÁCH PTN

AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 189/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 40.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,018
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	1,02
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	60,1
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	117
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	22,2
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,44
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	37,6
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	175
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH
27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH

Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu vực 3, Phường V, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam Tel: 02933 582 099

QT-PHN-7.3/BM-03

Trang 2 / 3

Lần BH: 02.01 (30/04/2025)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 189/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 40.05.25

28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chlordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichloromethane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	4,18
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	39,8
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 190/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 41.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,96
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,26
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,35
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc

Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 191/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 42.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Phước Hưng
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,63
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,34
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,23
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	5,12
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 192/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 43.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,67
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,13
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,65
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3

Hậu Giang, ngày 26 tháng 05 năm 2025



Lê Quang Lộc

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 192/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 43.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,020
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	<0,5 (i)
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	59,5
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	121
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	20,0
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,33
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	16,3
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	171
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 192/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 43.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	6,20
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	36,2
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 193/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 44.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,74
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,16
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,47
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 194/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 45.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Ngã Bảy
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,63
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,13
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,31
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 195/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 46.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Long Thạnh
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,35
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,10
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,52
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,001

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-39 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 06 năm 2025



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 195/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 46.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
12	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,018
13	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	0,64
14	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	60,6
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	124
16	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 ⁽ⁱ⁾
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
18	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	20,3
19	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
20	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,38
21	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 ⁽ⁱ⁾
22	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
23	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	29,6
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	183
26	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
27	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 195/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 46.05.25

28	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
29	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
30	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
31	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
32	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
33	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
34	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	6,36
35	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	37,9
36	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
37	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
39	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	-	0,073±0,010

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 196/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 47.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Long Thành
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,40
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,11
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,38
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,002

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 197/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 48.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Long Thành
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,39
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,12
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,25
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	$\leq 0,01$	-	0,001

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 198/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 49.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cái Tắc
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,31
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,21
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,67
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,001

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-39 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 198/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 49.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
12	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,019
13	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	0,70
14	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	53,4
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	117
16	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
18	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	23,2
19	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
20	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,51
21	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
22	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
23	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	27,5
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	170
26	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
27	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 198/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 49.05.25

28	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
29	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
30	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
31	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
32	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
33	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
34	Bromodichloromethane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	5,64
35	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	32,7
36	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
37	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
39	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 199/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 50.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cái Tắc
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,37
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,21
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,49
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,002

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 200/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 51.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Cái Tắc
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,28
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,14
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,30
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,001

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 201/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 52.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,94
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,06
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,59
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHU TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 201/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 52.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,020
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	<0,5 (i)
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	34,0
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	173
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	0,50
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	67,4
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,48
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	124
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	300
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 201/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 52.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	6,02
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	36,5
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	-	0,072 ± 0,010

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 202/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 53.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,96
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,17
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,34
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 203/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 54.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Ngã Sáu
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,75
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	$6,0 \div 8,5$	-	7,16
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	$0,2 \div 1,0$	-	0,22
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH PTN



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 204/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 55.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,30
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,05
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,70
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,004

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

(1): theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

(0): giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-39 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 204/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 55.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
12	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,021
13	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	<0,5 (i)
14	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	14,6
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	286
16	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	0,70
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
18	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	122
19	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
20	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,44
21	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
22	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
23	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	227
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	553
26	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 204/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 55.05.25

27	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH
28	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
29	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
30	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
31	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
32	Chlordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
33	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
34	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	2,15
35	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	14,7
36	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
37	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
39	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	-	0,089 ± 0,010

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 205/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 56.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,29
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,02
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,51
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,004

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 206/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 57.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 26/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 26/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Đông Phú
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,32
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,05
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,32
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,004

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 207/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 58.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,26
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,93
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,66
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



PHU TRÁCH PTN
AOSC
VLAT-1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 207/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 58.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,024
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	0,96
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	53,5
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	116
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	19,0
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,54
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	19,2
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	163
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 207/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 58.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	4,02
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	34,8
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 208/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 59.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,26
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,94
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,43
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025

PHỤ TRÁCH PTN



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 209/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 60.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Vị Thanh
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,63
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,30
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,27
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	9,96
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN

Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 210/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 61.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,19
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,36
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,48
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,0003

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

(1): theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

(i): giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-39 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



PHU TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 210/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 61.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
12	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,020
13	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	<0,5 (i)
14	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	9,75
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	146
16	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	0,55
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
18	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	102
19	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
20	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,79
21	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
22	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
23	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	49,7
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	327
26	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
27	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu vực 3, Phường V, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam Tel: 02933 582 099

QT-PHN-7.3/BM-03

Trang 2 / 3

Lần BH: 02.01 (30/04/2025)

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 211/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 62.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,28
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,44
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,31
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,0003

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 212/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 63.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 3 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Lương Tâm
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,22
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,47
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,20
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0
8	Asen	mg/l	TCVN 6626:2000	≤ 0,01	-	0,0004

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-8 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 213/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 64.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,46
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,02
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,77
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 214/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 65.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,53
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,99
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,50
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	3,50
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHỤ TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 215/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 66.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Nhà máy nước Long Mỹ
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,16
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,87
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,34
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	6,73
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 216/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 67.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Bình
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,35
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,14
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,40
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	8,35
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽ⁱ⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



Lê Quang Lộc

PHỤ TRÁCH PTN

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 216/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 67.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,017
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	1,66
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	54,6
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	103
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	18,4
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,56
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	KPH
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	35,0
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	160
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

Địa chỉ: Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, Khu vực 3, Phường V, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam Tel: 02933 582 099

QT-PHN-7.3/BM-03

Trang 2 / 3

Lần BH: 02.01 (30/04/2025)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 216/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 67.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	4,93
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	38,3
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	0,07	KPH

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 217/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 68.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Bình
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,09
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	6,86
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,29
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	8,35
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCĐP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHU TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG**

Số: 218/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 69.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Tân Bình
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	1,16
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,16
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,23
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	-	6,73
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCDP 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 219/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 70.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Tại bồn)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai + 2000ml x 2 can)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,34
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,07
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,60
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

⁽²⁾: giới hạn định lượng của phương pháp

- Các chỉ tiêu 6-38 được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KPH: là Không phát hiện
- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.
- Kết quả thử nghiệm xem tiếp trang 2,3



Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 219/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 70.05.25

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	<1	-	<1
9	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	<1	-	<1
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,3	0,023	KPH
11	Bari (Ba)	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0,7	-	0,018
12	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2	-	1,92
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	-	47,4
14	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	300	-	114
15	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	1,5	-	<0,3 (i)
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,1	0,02	KPH
17	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-Na.B:2023	200	-	19,3
18	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-Al.B:2023	0,2	0,03	KPH
19	Nitrat (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	2	-	0,79
20	Nitrit (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,05	-	<0,02 (i)
21	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	0,3	0,03	0,135
22	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	250	-	32,8
23	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112-Hg.B:2023	0,001	0,0003	KPH
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	-	160
25	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1	0,3	KPH
26	Styren	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	20	0,3	KPH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 219/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 70.05.25

27	Toluen	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	700	0,3	KPH
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	100	0,2	KPH
29	Carbofuran	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	5	0,2	KPH
30	Chlorpyrifos	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30	0,007	KPH
31	Chiordane	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	0,2	0,007	KPH
32	Permethrin	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	20	0,007	KPH
33	Bromodichlorometh ane	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60	-	5,2
34	Chloroform	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300	-	43,4
35	Aldicarb	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	10	0,2	KPH
36	Trichloroacetic acid	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	200	3	KPH
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	0,1	0,03	KPH
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	ISO 10704: 2019; (05.2-CL4/ST 7.3)	1,0	-	0,075 ± 0,010

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 220/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 71.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Hộ dân)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,29
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,02
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,38
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

Hậu Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2025



PHU TRÁCH PTN
AOSC
VLAT 1.0236
ISO/IEC 17025:2017

Lê Quang Lộc



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC HẬU GIANG

Số: 221/PTN/0525

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã hiệu mẫu: 72.05.25

1. Tên mẫu và ký hiệu: Nước sinh hoạt (Cuối tuyến)
2. Số lượng mẫu: 01 mẫu
3. Mô tả mẫu: Được chứa trong chai nhựa (300ml x 2 chai)
4. Ngày nhận mẫu: 27/05/2025
5. Thời gian thử nghiệm: 27/05-17/06/2025
6. Đơn vị gửi mẫu: Trạm cấp nước Một Ngàn
7. Lưu mẫu: ☒ có ☐ không Đến ngày: 27/06/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾	Giới hạn phát hiện	Kết quả
1	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	-	0,29
2	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0÷8,5	-	7,08
3	Mùi, vị*	-	CNHG-HD-09	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
4	Clo dư*	mg/l	Hach Method 8021	0,2÷1,0	-	0,24
5	Màu sắc*	TCU	SMEWW 2120C:2023	≤ 15	1,973	KPH
6	Escherichia Coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	-	0
7	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	-	0

9. Nhận xét: Các chỉ tiêu trên của nước sinh hoạt có kết quả nằm trong giới hạn cho phép theo “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”.

10. Ghi chú:

⁽¹⁾: theo QCVN 01:2025/HGg

*: chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

- Các chỉ tiêu 6-7 được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- KPH: là Không phát hiện

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang.

PHỤ TRÁCH PTN



Lê Quang Lộc

Hậu Giang, ngày 27 tháng 6 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Vũ Trung Kiên